

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH TỔNG HỢP

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

- Tên học phần:** Tiếng Anh tổng hợp
- Mã học phần:** NNA 033
- Số tín chỉ:** 3 (3,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 90 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học tiếng Anh ở PTTH
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	yendhsd@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	Luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Anh tổng hợp cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các từ vựng về các chủ điểm giao tiếp cơ bản: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông...
- Ngữ pháp: Thì hiện tại đơn, quá khứ đơn với động từ tobe, động từ thường, thì hiện tại tiếp diễn, cách dùng các cấu trúc với there be, can/ can't, have to, tobe able to... cách dùng tính từ sở hữu, danh từ đếm được và không đếm được.
- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc viết về các chủ điểm giao tiếp cơ bản: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông vận tải...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Từ vựng: Các từ vựng về các chủ điểm giao tiếp cơ bản: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông... - Ngữ pháp: Thì hiện tại đơn, quá khứ đơn với động từ tobe, động từ thường, thì hiện tại tiếp diễn, cách dùng các cấu trúc với there be, can/ can't, have to, tobe able to... cách dùng tính từ sở hữu, danh từ đếm được và không đếm được.	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc viết về các chủ điểm giao tiếp cơ bản: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông vận tải...	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được giáo viên phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được các từ vựng về các chủ điểm giao tiếp cơ bản: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học	3	[2.1.4]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông...		
CĐR1.2	Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng của hiện tại đơn, quá khứ đơn với động từ tobe, động từ thường, thì hiện tại tiếp diễn, cách dùng các cấu trúc với there be, can/ can't, have to, tobe able to... cách dùng tính từ sở hữu, danh từ đếm được và không đếm được.	3	[2.1.4]
CĐR1.3	Phân biệt được các cấu trúc câu đã học: Thì hiện tại đơn với hiện tại tiếp diễn.	3	[2.1.4]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Phát âm đúng các từ vựng về các chủ điểm giao tiếp cơ bản: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông...	3	[2.2.1]
CĐR2.2	Đọc hiểu các bài đọc ngắn thuộc các lĩnh vực như làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông...	3	[2.2.1]
CĐR2.3	Nghe hiểu các bài khóa, đoạn hội thoại về các chủ đề trong học phần như làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông vận tải...	3	[2.2.1]
CĐR2.4	Nói về các chủ điểm trong cuộc sống hằng ngày: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông...	3	[2.2.1]
CĐR2.5	Viết được các đoạn 100-150 từ về các chủ điểm như: Làm quen, gia đình, đồ ăn thức uống, khoa học công nghệ, sức khỏe, mua sắm, giao thông...	3	[2.2.1]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần											
		CĐR1			CĐR2					CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
1	Unit 1 Getting acquainted	3	3	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4
2	Unit 2 Going out	3	3		4	4	4	4	4	4	4	4	4
3	Unit 3 The extended family	3	3		4	4	4	4	4	4	4	4	4
4	Unit 4 Food and restaurants	3	3		4	4	4	4	4	4	4	4	4
5	Unit 5 Technology and you	3	3		4	4	4	4	4	4	4	4	4
6	Unit 6 Staying in shape	3	3	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4
7	Unit 7 On vacation	3	3		4	4	4	4	4	4	4	4	4

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	Chuẩn đầu ra của học phần			Ghi chú
					CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	1 điểm	20%	- Phát vấn - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần	CĐR1.2	CĐR2.1 , CĐR2.4 , CĐR2.5	CĐR3.1 , CĐR3.2 , CĐR3.3	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	- Vấn đáp (15p/1SV)	CĐR1.1 CĐR1.2 CĐR1.3	CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR2.3 CĐR2.4 CĐR2.5	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	- Trắc nghiệm kết hợp - 90 phút		CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR2.3 CĐR2.4 CĐR2.5	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp (15 phút/1 SV)
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút, ...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]- Joan Saslow and Allen Ascher, *Top Notch 1*, Longman Pearson.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]- Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p>Unit 1: Getting acquainted</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng được các tính từ miêu tả, cách sử dụng đại từ nhân xưng, hiện tại đơn của động từ tobe. - Phát âm đúng, chuẩn ngữ điệu theo mẫu. - Nghe, nói, đọc, viết về thông tin chính của một nhân vật nổi tiếng theo mẫu. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1.1. Lesson 1: Meet someone new</p> <p>1.2. Lesson 2: Identify and describe people</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Phát vấn.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cách sử dụng các tính từ miêu tả, đại từ nhân xưng, thì hiện tại đơn của động từ tobe. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe hội thoại mẫu, luyện đọc và nói theo ngữ điệu TL [1] trang 4. + Chuẩn bị nội dung ngữ pháp về đại từ nhân xưng, động từ tobe chia theo thì hiện tại đơn. + Hoàn thành bài tập 1-6 TL [1] trang 4-5. + Tìm hiểu các tính từ miêu tả TL [1] trang 6. + Hoàn thành bài tập mục B trang 7 TL [1] 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,
2	<p>Unit 1: Getting acquainted (Cont.)</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Đặt vấn đề; Phát vấn, trực quan.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng các từ vựng chỉ tên nước, tên quốc tịch. - Phát âm đúng, chuẩn các từ vựng đã học - Nghe, nói, đọc, viết được về mục đích học và sử dụng tiếng Anh của bản thân. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1.3. Lesson 3: Provide personal information</p> <p>1.4. Lesson 4: Introduce someone to a group</p>		<p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các từ vựng chỉ tên nước, tên quốc tịch. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu tên nước và tên quốc tịch các phổ biến. + Đọc hiểu về mục đích học và sử dụng tiếng Anh TL [1] trang 10. + Hoàn thành bài tập mục A, B trang 11 TL[1]. 	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,
3	<p>Unit 2: Going out</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng cách hỏi và chỉ đường, cách sử dụng giới từ chỉ thời gian và địa điểm, từ vựng chỉ sự kiện và các địa điểm vui chơi. - Phát âm đúng, chuẩn ngữ điệu theo mẫu. - Nghe, nói, đọc, viết về cách hỏi và trả lời về đường đi. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>2.1. Lesson 1: Accept or decline an invitation</p> <p>2.2. Lesson 2: Express locations and give directions</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Đặt vấn đề; Phát vấn, trực quan, giảng giải nội dung bài học.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phát âm mẫu các từ vựng. + Hướng dẫn sinh viên nghe và nói sử dụng các từ vựng trong bài. + Giải thích cách hỏi và trả lời về đường đi. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị cách sử dụng giới từ chỉ thời gian, và địa điểm. + Hoàn thành bài tập trang 16 TL [1]. + Trình bày các từ vựng chỉ sự kiện và địa điểm vui chơi. + Nghe, ghi chép, thuyết trình cách hỏi và chỉ đường. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,
4	<p>Unit 2: Going out (Cont.)</p> <p>Mục tiêu:</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Trực quan kết</p>	CĐR1.1, CĐR1.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>- Hiểu và sử dụng cách từ chối hoặc chấp nhận một lời mời lịch sự.</p> <p>- Đọc hiểu về lịch trình, địa điểm diễn ra 1 sự kiện nào đó, tầm quan trọng của âm nhạc từ đó nói về sở thích âm nhạc của bản thân.</p> <p>- Nghe hiểu và điền vào chỗ trống các thông tin về con số, địa điểm.</p> <p>- Nói và viết về vai trò của âm nhạc trong cuộc sống.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>2.3. Lesson 3: Make plans to see an event</p> <p>2.4. Lesson 4: Talk about musical tastes</p>		<p>hợp với phát vấn.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giải thích cách nói khi chấp nhận hoặc từ chối một lời mời.</p> <p>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cụ thể cho cá nhân, nhóm.</p> <p>+ Chữa bài cho sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Trình bày một số loại hình âm nhạc, thuyết minh về sở thích âm nhạc của bản thân.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập mục A, B trang 21 TL [1].</p> <p>+ Đọc hiểu về vai trò của âm nhạc trong cuộc sống trang 22 TL [1]</p> <p>+ Thực hiện nói, viết về vai trò của âm nhạc đối với đời sống của con người.</p>	<p>CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,</p>
5	<p>Unit 3: The extended family</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Hiểu và sử dụng được các từ vựng chỉ mối quan hệ trong gia đình.</p> <p>- Sử dụng thành thạo thì hiện tại đơn thể khẳng định.</p> <p>- Đàm thoại về chủ đề gia đình hiện nay.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3.1. Lesson1: Report news about relationships</p> <p>3.2. Lesson 2: Describe extended families</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng giải nội dung bài học.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, vận dụng các từ vựng trong bài học.</p> <p>+ Giải thích các cấu trúc, cách sử dụng thì hiện tại đơn ở thể khẳng định.</p> <p>+ Giao bài tập lớp.</p> <p>+ Chữa bài cho sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Chuẩn bị các từ vựng về các thành viên trong gia đình, tình</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			trạng hôn nhân, nghề nghiệp. + Nghiên cứu cấu trúc của thì hiện tại đơn dạng khẳng định TL [2] trang 4-5. + Hoàn thành bài tập trang 29 TL [1]. + Đọc trước tài liệu Unit 2 trang 4 TL [2].	
6	Unit 3: The extended family (Cont.) Mục tiêu: - Hiểu và sử dụng được các từ vựng để so sánh những người trong gia đình. - Sử dụng thành thạo các từ để hỏi với thì hiện tại đơn. - Đàm thoại về chủ đề gia đình: nghề nghiệp, tuổi tác, tình trạng hôn nhân... Nội dung cụ thể: 3.3. Lesson 3: Compare people 3.4. Lesson 4: Describe family cultural traditions	3 (3LT,0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng giải, chữa bài. - Giảng viên: + Giải thích các từ vựng miêu tả từng thành viên trong gia đình, hướng dẫn sinh viên phát âm đúng các từ. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Liệt kê các từ vựng chỉ mối quan hệ trong gia đình. + Chuẩn bị cấu trúc câu hỏi với từ để hỏi dùng thì hiện tại đơn giản. + Chuẩn bị từ vựng và hoàn thành bài tập trang 34 TL [1].	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,
7	Unit 4: Food and restaurants Mục tiêu: - Hiểu và sử dụng các từ các món ăn, thức uống. - Biết cách sử dụng quán từ “the”, cấu trúc “there be”.	6 (3LT,3KT)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Phát vấn kết hợp với trực quan giảng giải nội dung bài học. - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc câu “there be”, các từ vựng về chủ đề đồ ăn, thức uống, cách dùng quán	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Phát âm đúng, chuẩn các từ vựng trong bài.</p> <p>- Nghe, nói, đọc, viết được về một menu tại nhà hàng khách sạn, có thể thiết kế thực đơn.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1. Lesson1: Ask for a restaurant recommendation</p> <p>4.2. Lesson 2: Order from a menu</p> <p>Mid- term test</p>		<p>từ “ the”.</p> <p>+ Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>+ Chữa bài cho sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Tìm hiểu các từ vựng chỉ món ăn, đọc tên đúng các món ăn trên thực đơn.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trang 41 TL [1].</p> <p>- Hoàn thành các bài tập trang 146-152 tài liệu [2]</p> <p>+ Thực hiện bốc thăm kiểm tra nói giữa học phần.</p>	<p>CDR3.3, CDR3.4,</p>
8	<p>Unit 4:</p> <p>Food and restaurants (Cont.)</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Hiểu và sử dụng các tính từ miêu tả thực phẩm.</p> <p>- Phát âm đúng, chuẩn các từ vựng trong bài.</p> <p>- Nghe, nói, đọc, viết về sở thích ăn uống, và cách ăn uống lành mạnh cho sức khỏe.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.3. Lesson 3: Speak to a server and pay for a meal</p> <p>4.4. Lesson 4: Discuss food and health</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải bài học.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giải thích các từ vựng liên quan thực phẩm.</p> <p>+ Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập thực hành cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>+ Chữa bài cho sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Chuẩn bị các từ vựng chỉ thực phẩm.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trang 46-47 TL [1].</p> <p>+ Đọc hiểu và nghe hiểu về thói quen ăn uống vì sức khỏe,</p>	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			từ đó vận dụng vào bài nói, viết về chủ đề ăn sạch, sống khỏe.	
9	<p>Unit 5: Technology and you</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng các từ vựng về chủ đề khoa học và công nghệ, sử dụng thành thạo thì hiện tại tiếp diễn. - Phát âm đúng, chuẩn các từ vựng trong bài. - Nghe, nói, đọc, viết về một loại dụng cụ, máy móc mà bạn sử dụng hằng ngày. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1. Lesson1: Recommend a brand or model</p> <p>5.2. Lesson 2: Express sympathy for a problem</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải bài học.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các từ vựng liên quan đến chủ đề khoa học và công nghệ, sử dụng thành thạo thì hiện tại tiếp diễn. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Liệt kê các từ vựng về chủ đề khoa học và công nghệ. + Hoàn thành các bài tập trang 53 tài liệu [1] + Đọc và trình bày cách sử dụng, cấu trúc của thì Hiện tại tiếp diễn bài 3-4 TL[2]. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,
10	<p>Unit 5: Technology and you (Cont.)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng các từ vựng về 1 số thiết bị trong nhà, động tính từ miêu tả hoạt động của cá thiết bị đó. - Phát âm đúng, chuẩn các từ vựng trong bài. - Nghe, nói, đọc, viết về hoạt động của 1 số thiết bị gia dụng trong gia đình. 	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các từ vựng về về 1 số thiết bị trong nhà, động tính từ miêu tả hoạt động của cá thiết bị đó. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành cho cá 	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.3. Lesson 3: Complain when things don't work</p> <p>5.4. Lesson 4: Describe features of products</p>		<p>nhân.</p> <p>+ Chữa bài cho sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Chuẩn bị từ mới về 1 số thiết bị trong nhà, động từ miêu tả hoạt động của các thiết bị đó.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trang 58-59 TL [1].</p> <p>+ Liệt kê các tính từ miêu tả các thiết bị, đồ gia dụng.</p> <p>+ Thực hành nghe và vận dụng để nói và viết về hoạt động của một số đồ gia dụng trong gia đình.</p>	
11	<p>Unit 6: Staying in shape</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng các từ vựng chỉ hoạt động thể chất, phân biệt được sự khác nhau giữa Can/ Have to. - Phân biệt sự khác nhau giữa thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn. - Phát âm đúng, chuẩn các từ vựng trong bài. - Nghe, nói, đọc, viết về kế hoạch và thói quen rèn luyện thể dục thể thao của bản thân hoặc người khác. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1. Lesson1: Plan an activity with someone</p> <p>6.2. Lesson 2: Talk about habitual activities and future plans</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các từ vựng chỉ hoạt động thể chất, phân biệt được sự khác nhau giữa Can/ Have to. + Giúp sinh viên phân biệt sự khác nhau giữa thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn qua các ví dụ. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực cho lớp, chữa bài. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu về các từ vựng chỉ hoạt động thể chất. + Hoàn thành các bài tập trang 62-62 tài liệu [1]. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			+ Phân biệt sự khác nhau của Can/ have to bài 26 và bài 31 trong TL [2].	
12	<p>Unit 6: Staying in shape (Cont.)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng các từ vựng chỉ hoạt động trong ngày. - Phát âm đúng, chuẩn các từ vựng trong bài. - Nghe, nói, đọc, viết về thói quen ăn uống và thể dục thể thao của bản thân và của người khác. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.3. Lesson 3: Discuss fitness and eating habits</p> <p>6.4. Lesson 4: Describe your routines</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải nội dung bài học.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Liệt kê các từ vựng hoặc cụm từ chỉ các hoạt động hằng ngày. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành cho sinh viên và chữa bài. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị từ mới cho phần bài đọc trang 70, 71 TL [1]. - Phát âm các từ vựng chỉ hoạt động hằng ngày. - Nghe hiểu vận dụng vào viết và thuyết trình về thói quen hàng ngày của bản thân. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,
13	<p>Unit 7: On vacation</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng các từ vựng các từ vựng về chủ đề du lịch, có thể đặt câu và sử dụng thành thạo cấu trúc của tobe ở thì quá khứ đơn. - Phát âm đúng, chuẩn các từ vựng trong bài. - Nghe, nói, đọc, viết về kì nghỉ đã qua của bản thân, hoặc kể về kì nghỉ của ai đó. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.1. Lesson1: Greet someone arriving from a trip</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải nội dung bài học.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng các từ vựng về chủ đề du lịch, có thể đặt câu và sử dụng thành thạo cấu trúc của tobe ở thì quá khứ đơn. + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề du lịch. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	7.2. Lesson 2: Ask about someone's vocation		+ Hoàn thành phần A, B trang 76 tài liệu [1]. + Chuẩn bị cách sử dụng và cấu trúc của động từ tobe ở quá khứ đơn bài 5 TL [2].	
14	<p>Unit 7: On vacation (Cont.)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng các tính từ miêu tả kì nghỉ, sử dụng thành thạo cách sử dụng và cấu trúc của thì quá khứ đơn với động từ thường. - Phát âm đúng, chuẩn các từ vựng trong bài. - Nói về kì nghỉ đã qua của bản thân, hoặc kể về kì nghỉ của ai đó. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.3. Lesson 3: Discuss vacation preferences</p> <p>7.4. Lesson 4: Describe good and bad vacation experiences</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải cách sử dụng các tính từ miêu tả kì nghỉ, sử dụng thành thạo cách sử dụng và cấu trúc của thì quá khứ đơn với động từ thường. + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị cách sử dụng và cấu trúc của động từ thường ở quá khứ đơn bài 5 TL [2]. + Hoàn thành bài tập trang 78-79 TL [1]. + Sử dụng các tính từ mô tả kì nghỉ để kể về 1 kì nghỉ đã qua của bản thân hoặc của ai đó. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,

Hải Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2022

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SAO ĐỎ

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

